

Số: 21/2021/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế áp dụng cho các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung với hàng hóa, dịch vụ;
Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SAR-CoV-2;
Xét Tờ trình số 5506/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế áp dụng cho các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế áp dụng cho các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý.

b) Đối tượng áp dụng: Các cơ sở y tế công lập thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

a) Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Thời gian thực hiện: Theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Bãi bỏ quy định về giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 quy định tại giá dịch vụ xét nghiệm vi khuẩn/virus/vi nấm/ký sinh trùng Real-time PCR; vi khuẩn/virus/vi nấm/ký sinh trùng test nhanh có số thứ tự 1735, 1736 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý và Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định tạm thời giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 theo phương pháp gộp mẫu; xét nghiệm, lấy và bảo quản mẫu đơn, không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế, trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý./.

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu

PHỤ LỤC:

**GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2 KHÔNG THUỘC PHẠM VI THANH TOÁN
CỦA QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ ÁP DỤNG CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP
THUỘC TỈNH PHÚ THỌ QUẢN LÝ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

Đơn vị tính: Đồng

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Giá tối đa (bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm)
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh	16,400	109,700
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động	33,500	186,600
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	132,300	518,400
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	30,200	
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	102,100	
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp		
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	82,800	
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	20,100	
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	62,700	
1.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)		
1.3.1	Trường hợp gộp 2 que		270,100
1.3.2	Trường hợp gộp 3 que		211,500
1.3.3	Trường hợp gộp 4 que		182,200
1.3.4	Trường hợp gộp 5 que		164,600
2	Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	65,900	
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	20,100	

2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	45,800	
2.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)		
2.3.1	Trường hợp gộp 6 que		134,600
2.3.2	Trường hợp gộp 7 que		126,200
2.3.3	Trường hợp gộp 8 que		119,900
2.3.4	Trường hợp gộp 9 que		115,000
2.3.5	Trường hợp gộp 10 que		111,100
3	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	106,000	
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	32,600	
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	73,400	
3.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)		
3.3.1	Trường hợp gộp 2 mẫu		315,100
3.3.2	Trường hợp gộp 3 mẫu		256,500
3.3.3	Trường hợp gộp 4 mẫu		227,200
3.3.4	Trường hợp gộp 5 mẫu		209,600
4	Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	89,200	
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	33,500	
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	55,700	
4.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)		
4.3.1	Trường hợp gộp 6 mẫu		181,100
4.3.2	Trường hợp gộp 7 mẫu		172,700
4.3.3	Trường hợp gộp 8 mẫu		166,400
4.3.4	Trường hợp gộp 9 mẫu		161,500
4.3.5	Trường hợp gộp 10 mẫu		157,600

